

Bản án số: 151/2023/HS-PT
Ngày: 04/12-2023

NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Khánh

Các Thẩm phán: Ông Lê Hùng Cường

Bà Huỳnh Thị Phương

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Thành – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:** Bà Mai Thị Phương Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 143/2023/TLPT-HS ngày 20 tháng 10 năm 2023 đối với bị cáo Nguyễn Nhật T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 24/2023/HS-ST ngày 07 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An.

- **Bị cáo có kháng cáo:** **Nguyễn Nhật T**; tên gọi khác: Không có; sinh năm 1993; nơi sinh: huyện M, tỉnh Long An; nơi cư trú: Ấp B, xã T, thị xã K, tỉnh Long An; nghề nghiệp: Nhân viên Chi nhánh Văn phòng Đ1 tại thị xã K; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N, sinh năm: 1971 và bà Trần Thúy L, sinh năm: 1970; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã K từ ngày 15/5/2021 đến nay. “có mặt”

- **Bị hại:**

1. Bà Võ Thị Kim N1, sinh năm 1991; nơi cư trú: Khu phố D, phường A, thị xã K, tỉnh Long An (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1976; nơi cư trú: Khu phố B, thị trấn V, huyện V, tỉnh Long An (vắng mặt).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1964; nơi cư trú: Ấp B, xã T, tỉnh Long An (vắng mặt).

2. Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1971; nơi cư trú: Ấp B, xã T, thị xã K, tỉnh Long An (có mặt).

3. Ông Lâm Văn K1, sinh năm 1987; nơi cư trú: Khu phố B, Phường A, thị xã K, tỉnh Long An (vắng mặt).

4. Bà Lê Thị Ngọc T2, sinh năm 1983 – Giám đốc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại thị xã K, tỉnh Long An (có đơn xin xét xử vắng mặt).

5. Ông Nguyễn Anh T3, sinh năm 1981 – Nhân viên Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại thị xã K, tỉnh Long An (có đơn xin xét xử vắng mặt).

6. Bà Phạm Thị Ngọc P, sinh năm 1983 – Trưởng bộ phận cấp giấy kiêm thủ quỹ giữ con dấu cơ quan – Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại thị xã K, tỉnh Long An (có đơn xin xét xử vắng mặt).

7. Ông Nguyễn Chí T4, sinh năm 1996 – Nhân viên Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại thị xã K, tỉnh Long An (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người làm chứng*: Bà Bùi Thị C, sinh năm 1986; Nơi cư trú: Số F, khu phố T, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Nguyễn Nhật T là nhân viên của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại thị xã K, tỉnh Long An thời gian từ tháng 10/2014 đến tháng 7/2020. Trong khoảng thời gian làm việc tại đây, bị cáo T đã 02 lần làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để đem đi cầm cố lấy tiền tiêu xài cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Năm 2018, bị cáo T được giao nhiệm vụ thực hiện đăng ký giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, hỗ trợ công tác chỉnh lý biến động về đất đai. Đến ngày 31/5/2018, bị cáo T nghỉ việc theo quyết định số: 45/QĐ-VPĐKĐĐ ngày 31/5/2018 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ1 về việc chấm dứt hợp đồng lao động. Sau khi nhận quyết định nghỉ việc thì bị cáo T mang thùng hồ sơ cá nhân ở cơ quan về nhà, T kiểm tra trong thùng hồ sơ phát hiện giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Bạch K2 nên T cất giữ. Đến ngày 27/12/2018, bị cáo T quay trở lại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại thị xã K làm việc theo quyết định số: 106/QĐ-VPĐKĐĐ ngày 27/12/2018 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ1 về việc thu hồi quyết định số: 45/QĐ-VPĐKĐĐ ngày 31/5/2018 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ1. Bị cáo T lên hệ thống kiểm tra thì phát hiện giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Bạch K2 không còn giá trị sử dụng. Đến ngày 31/7/2019, bị cáo T lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Bạch K2 (giấy bị mất gia đình ông K2 xin cấp lại giấy khác) đã có Quyết định huỷ số 1749 ngày 08/10/2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L, bị cáo T tự ý viết vào trang 4 của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông K2 chuyển nhượng cho T, T giả chữ ký giám đốc và sử dụng con dấu của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại thị xã K đóng dấu vào. Từ ngày 19/3/2020 đến ngày 03/4/2020, bị cáo T sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã làm giả đem thế chấp vay tiền của bị hại Võ Thị Kim N1, tổng cộng số tiền 220.000.000 đồng. Sau đó, bà N1

nhờ người quen tìm hiểu thì phát hiện giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên không còn giá trị nên yêu cầu bị cáo T làm biên nhận mượn tiền và giao nộp giấy chứng nhận trên cho Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L. Bị cáo T xác định không được giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Bạch K2 để thực hiện nhiệm vụ, còn việc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Bạch K2 vì sao có trong thùng hồ sơ cá nhân của T thì T không biết.

Lần thứ hai: Vào ngày 20/3/2020, bị cáo T được Lãnh đạo Văn phòng đăng ký đất đai giao 100 hồ sơ lưu trữ, quá trình lưu trữ T phát hiện giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Võ Thị C1 đứng tên chủ sở hữu đã chuyển nhượng cho người khác nhưng chưa chỉnh lý ở trang 4 nên T nảy sinh ý định làm giả giấy trên bằng cách tự ý viết vào trang 4 của giấy chứng nhận trên với nội dung chuyển nhượng cho T, T giả chữ ký giám đốc và sử dụng con dấu Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại thị xã K đóng dấu vào. Sau đó, T đem giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã làm giả đem tìm người cầm cố nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác. Vào ngày 16/6/2020, bị cáo T được bà Nguyễn Thị T1, sinh năm: 1964, hộ khẩu thường trú: Ấp B, xã T, thị xã K, tỉnh Long An giới thiệu ông Lâm Văn K1, sinh năm: 1987, hộ khẩu thường trú: Khu phố B, Phường A, thị xã K, tỉnh Long An để cầm cố giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã làm giả với số tiền 200.000.000 đồng. Ông K1 liên lạc với ông Võ Nhật L1 ngụ tại xã B, thị xã K để cầm cố cho T. Sau đó, ông L1 nhờ người quen tìm hiểu thì phát hiện giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên không có giá trị nên không cầm cố cho T. Sau khi sự việc bị phát hiện, T đã đốt bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên.

Tại kết luận giám định số: 20/2021/KLGD ngày 15/01/2021 của Phòng K3 Công an tỉnh L kết luận:

1. Chữ viết “31.7.2019” bằng bút bic màu xanh ở cột mục “Ngày tháng năm”, chữ viết bắt đầu “Chuyển nhượng...” và kết thúc “...Bùi Thị Đ” bằng bút bic màu xanh ở cột mục “Số và nội dung quyết định”, trên “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” (đóng dấu TLCDĐ, ký hiệu A) với chữ viết bắt đầu “CỘNG HÒA...” và kết thúc “...Nguyễn Nhật T” bằng bút bic màu xanh, trên tờ “Tờ tường trình” (đóng dấu TLMSS, ký hiệu M4) là do cùng một người viết ra.

2. Chữ viết mang tên “Lê Thị Ngọc T2” bằng bút bic màu xanh, ở cột mục “Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền” trên “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” (đóng dấu TLCDĐ, ký hiệu A) với: Chữ ký mang tên “Lê Thị Ngọc T2” bằng bút bic màu xanh, ở mục “Giám đốc” trên 03 tờ công văn “Về việc xác nhận hiện trạng tài sản gắn liền với đất” (đóng dấu TLMSS, ký hiệu M1, M2 và M3); chữ ký mang tên “Lê Thị Ngọc T2” bằng bút bic màu xanh, ở mục “ĐD. Văn phòng ĐKĐĐ” và ở mục “Mẫu chữ ký của bà Lê Thị Ngọc T2 Giám đốc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại thị xã K” (03 chữ ký) trên tờ “Biên bản về việc thu mẫu chữ ký, hình dấu và các văn bản có liên quan” (đóng dấu TLMSS, ký hiệu M5) là không phải do cùng một người ký ra.

3. Hình dấu tròn lớn “Chi nhánh Văn phòng Đ1 tại thị xã K ★ Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Long An” bằng mực màu đỏ, ở cột mục “Xác nhận của cơ

quan có thẩm quyền” trên “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” (đóng dấu TLCDĐ, ký hiệu A) với hình dấu tròn lớn Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại thị xã K ★ Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Long An” bằng mực màu đỏ, ở mục “Giám đốc” trên 03 tờ công văn “Về việc xác nhận hiện trạng tài sản gắn liền với đất” (đóng dấu TLMSS, ký hiệu M1, M2 và M3) và ở mục “Hình dấu Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại thị xã K” (03 hình dấu) trên tờ “Biên bản về việc thu mẫu chữ ký, hình dấu và các văn bản có liên quan” (đóng dấu TLMSS, ký hiệu M5) là do cùng một con dấu đóng ra.

Quá trình điều tra xác định bị cáo Nguyễn Nhựt T còn thực hiện thêm 01 vụ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác, cụ thể như sau:

Vào khoảng tháng 10/2020, bà Nguyễn Thị K, sinh năm: 1976, hộ khẩu thường trú: Khu phố B, thị trấn V, huyện V, tỉnh Long An có nhu cầu nâng điểm cho con đậu vào Học viện B, được bà Nguyễn Thị T1, sinh năm: 1964, hộ khẩu thường trú: Ấp B, xã T, thị xã K, tỉnh Long An giới thiệu liên lạc với T giúp nâng điểm cho con bà K. Lúc này, do không có tiền tiêu xài, T đã nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà K. T nói dối với bà K giúp nâng điểm cho con bà K được và yêu cầu bà K đưa 200.000.000 đồng thì con bà K sẽ đậu, bà K đồng ý. Sau đó, T kêu bà K đưa trước cho T 50.000.000 đồng để liên hệ nâng điểm. Chiều ngày 16/10/2020, bà K đưa 20.000.000 đồng cho bà T1 để đưa cho T giúp nâng điểm tại quán cà phê thuộc xã B, thị xã K. Sau đó, bà T1 đưa lại cho T 15.000.000 đồng, còn 5.000.000 đồng T trả tiền cho bà T1 tiền chi phí đi lại trước đây mà T đã thiếu. Đến khoảng 02 tuần sau, T liên tục điện thoại kêu bà K đưa thêm 30.000.000 đồng cho T để nâng điểm cho con bà K. Vào ngày 05/11/2020, bà K chuyển vào số tài khoản của T 30.000.000 đồng. T nhận tổng cộng tiền của bà K 50.000.000 đồng và sử dụng vào mục đích tiêu xài cá nhân hết. Bà K phát hiện T không giúp con mình nâng điểm nên yêu cầu T trả lại tiền, T hứa trả lại tiền cho bà K nhưng không trả nên bà K làm đơn tố cáo hành vi của T.

Tại Bản cáo trạng số: 17/CT-VKSKT ngày 05/6/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An truy tố bị cáo Nguyễn Nhựt T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự; tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự; tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo điểm b khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự; tội “Giả mạo trong công tác” theo điểm a, c khoản 1 Điều 359 Bộ luật Hình sự.

Đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” bị cáo Nguyễn Nhựt T bị áp dụng tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự và tình tiết giảm nhẹ “Bồi thường thiệt hại, khắc phục một phần hậu quả; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Đối với tội “Làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức”, tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” và tội “Giả mạo trong công tác” bị cáo được áp dụng tình

tiết giảm nhẹ “Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Ngoài ra, bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ là có ông, bà có công với cách mạng được nhà nước công nhận tin tiết giảm nhẹ khác theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 24/2023/HS-ST ngày 07 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An đã tuyên xử:

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 174; khoản 1 Điều 341; điểm b khoản 3 Điều 341; điểm a, c khoản 1, khoản 5 Điều 359; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 47, Điều 50, Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Căn cứ các Điều 275, Điều 278, Điều 280, Điều 357, Điều 468, Điều 579, Điều 580 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 106, Điều 136, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tổ tụng hình sự; Điều 147 của Bộ luật Tổ tụng dân sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/6/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Nhựt T phạm các tội như sau: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”; “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” và “Giả mạo trong công tác”.

[2] Về hình phạt chính: Xử phạt bị cáo Nguyễn Nhựt T 07 (bảy) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; 06 (sáu) tháng tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”; 03 (ba) năm tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” và 01 (một) năm tù về tội “Giả mạo trong công tác”. Tổng hợp hình phạt tù đối với bị cáo Nguyễn Nhựt T là 11 (mười một) năm, 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 15 tháng 5 năm 2021. Tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo cho việc kháng cáo, kháng nghị và thi hành án.

[3] Về hình phạt bổ sung: Cấm bị cáo Nguyễn Nhựt T đảm nhiệm chức vụ hoặc làm công việc về quản lý đất đai trong thời hạn 02 (hai) năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt đối với tội “Giả mạo trong công tác”.

[4] Về tang vật chứng: Cho lưu hồ sơ vụ án 01 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y291652, sổ vào sổ cấp giấy 1759 QSDĐ/1201-LA ngày 28/10/2003 do UBND huyện M cấp cho hộ ông (bà) Nguyễn Bạch K2, sinh năm: 1971, CMND số 300677483, tại thửa đất số 379, tờ bản đồ số 4, diện tích 72m², loại đất T, tại thị trấn M, huyện M, tỉnh Long An; 01 bản chính Biên nhận ngày 20/4/2020 và 01 bản chính Biên nhận mượn tiền ngày 21/7/2020.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Công nhận sự thỏa thuận giữa bà Võ Thị Kim N1 với ông Nguyễn Văn N về nghĩa vụ bồi thường thay cho bị cáo Nguyễn Nhựt T số tiền còn lại là 80.000.000 đồng.

Buộc ông Nguyễn Văn N có nghĩa vụ bồi thường cho bà Võ Thị Kim N1 số tiền 80.000.000 đồng; mỗi năm trả 02 lần (lần 01 vào ngày 01 tháng 02; lần 02 vào ngày 01 tháng 9 hằng năm); mỗi lần trả 20.000.000 đồng cho đến khi trả xong số tiền 80.000.000 đồng.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền và thời hạn kháng cáo của những người tham gia tố tụng.

Ngày 14/9/2023, bị cáo Nguyễn Nhựt T kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, đề nghị xem xét không phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” của bà Võ Thị Kim N1 220.000.000 đồng; không phạm tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo điểm b, khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự; không chịu tình tiết tăng nặng là phạm tội nhiều lần; xin giảm nhẹ hình phạt tội danh “Giả mạo trong công tác” theo điểm a, b khoản 1 Điều 359 Bộ luật hình sự chuyển thành tội “Làm giả tài liệu cơ quan, tổ chức” theo khoản 1 Điều 341 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bị cáo Nguyễn Nhựt T vẫn giữ nguyên ý kiến như phiên tòa sơ thẩm là thừa nhận hành vi đã thực hiện như cáo trạng Viện Kiểm sát thị xã K đã truy tố; nhưng bị cáo T khiếu nại, không đồng ý với một phần nội dung cáo trạng vì cho rằng việc bị cáo có sử dụng giấy tờ giả để vay 03 lần tiền của bị hại, tổng cộng 220.000.000 đồng và có trả 01 lần tiền lãi 3%/tháng là 6.600.000 đồng; đến khi bị phát hiện thì bị cáo đã tác động gia đình trả nợ, trả lãi đầy đủ cho bị hại là quan hệ hợp đồng dân sự, không cấu thành tội phạm, nên Viện kiểm sát truy tố bị cáo tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là chưa thỏa đáng và dẫn đến việc truy tố bị cáo thêm tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” là không đúng.

Ngoài ra, cáo trạng xác định bị cáo lấy giấy chứng nhận của bà Võ Thị C1 cầm cho ông Lâm Văn K1 để vay số tiền 200.000.000 đồng là không đúng vì bị cáo không biết ông K1, ông Võ Nhật L1 và chưa từng liên lạc với họ để vay tiền. Mặc dù, Viện kiểm sát không truy tố hành vi này của bị cáo nhưng việc liệt kê hành vi này trong cáo trạng làm tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo.

Bị cáo T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ hoặc có người làm chứng để chứng minh bị cáo có trả nợ lãi cho bà N1 như bị cáo trình bày.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về hình thức và thủ tục kháng cáo của bị cáo Nguyễn Nhựt T trong thời gian luật định, những yêu cầu kháng cáo phù hợp với quy định của pháp luật nên Tòa án nhân dân tỉnh Long An thụ lý xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm là có căn cứ.

Về nội dung:

Nguyễn Nhựt T là nhân viên hợp đồng Văn phòng đăng ký đất đai tại thị xã K từ năm 2018 đến năm 2020. T được phân công làm bộ phận Văn phòng, tổng hợp hành chính, có nhiệm vụ nhập máy, lưu trữ hồ sơ chỉnh lý biến động về

đất đai, hỗ trợ đội đo đạc bản đồ. Lợi dụng nhiệm vụ, quyền hạn được phân công là lưu trữ hồ sơ, tiếp cận giấy CNQSDĐ đã lưu trữ không còn giá trị sử dụng, T tra cứu trên hệ thống biết được giấy CNQSDĐ của Nguyễn Bạch K2 và Võ Thị C1 không còn giá trị sử dụng nhưng chưa đóng dấu “không còn giá trị sử dụng” bị cáo T thực hiện hành vi sửa chữa 02 giấy CNQSDĐ nêu trên bằng cách tự viết vào trang 4 của giấy chứng nhận với nội dung chuyển nhượng cho T, T giả chữ ký giám đốc và sử dụng con dấu của Văn phòng đăng ký đất đai đóng dấu. Sau đó sử dụng giấy CNQSDĐ giả này đem cầm cố, vay tiền. Cụ thể: T sử dụng giấy CNQSDĐ giả của ông Nguyễn Bạch K2 để vay tiền của bị hại Võ Thị Kim N1 số tiền 220.000.000đ. Hành vi của bị cáo T sửa chữa, làm sai lệch nội dung, giả mạo chữ ký của người có quyền hạn để thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.

Mặt khác, đối với giấy CNQSDĐ của bà Võ Thị C1, T nhờ bà Nguyễn Thị T1 giới thiệu Lâm Văn K1 và Võ Nhật L1 cầm cố nhằm lừa đảo chiếm đoạt tài sản nhưng chưa cầm được thì bị phát hiện, sau đó T đã đốt bỏ, cấp sơ thẩm không thu giữ được vật chứng là giấy CNQSDĐ này, chỉ căn cứ vào lời khai của người liên quan là Nguyễn Thị T1, Lâm Văn K1 và Võ Nhật L1, kết luận của Thanh tra Sở Tài nguyên môi trường tỉnh L và lời khai thừa nhận của bị cáo T để trung tố, xét xử bị cáo về tội “Giả mạo trong công tác” là chưa đầy đủ, chưa điều tra làm rõ có hay không có hành vi làm giả và sử dụng giấy CNQSDĐ của bà Võ Thị C1. Việc điều tra ở cấp sơ thẩm không đầy đủ mà phúc thẩm không thể bổ sung được.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 355, điểm b khoản 1 Điều 358 Bộ luật tố tụng hình sự hủy Bản án hình sự sơ thẩm số 24/2023/HS-ST ngày 07 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của bị cáo Nguyễn Nhựt T trong thời hạn pháp luật quy định, yêu cầu kháng cáo phù hợp với quy định của pháp luật nên Tòa án nhân tỉnh Long An thụ lý xét xử theo thủ tục phúc thẩm là có căn cứ theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về nội dung: Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai tại phiên tòa sơ thẩm và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã có đủ căn cứ xác định:

Giấy CNQSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện M (nay là UBND thị xã K) cấp cho Nguyễn Bạch K2 ngày 28/10/2003 là giấy tờ thật. Nhưng trong quá trình làm nhân viên hợp đồng tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại thị xã K, bị cáo T được phân công hỗ trợ đăng ký biến động đất đai và lưu trữ hồ sơ vì động cơ cá nhân bị cáo T đã tự ý ghi thêm thông tin vào giấy chứng nhận quyền

sử dụng đất với nội dung ông K2 chuyển nhượng cho bị cáo là hành vi sử chữa, làm sai lệch nội dung giấy tờ của cơ quan nhà nước. Sau khi ghi thêm thông tin không đúng sự thật vào giấy CNQSDĐ nêu trên thì bị cáo T có hành vi giả mạo chữ ký của người có chức vụ quyền hạn là giả chữ ký của Giám đốc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại thị xã K; đồng thời bị cáo T sử dụng con dấu thật của cơ quan này đóng dấu vào trang thông tin thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận đổi với các giấy CNQSDĐ. Đối với giấy CNQSDĐ của Võ Thị C1 thì được thực hiện trong thời gian T được giao nhiệm vụ lưu trữ hồ sơ trong đó có giấy CNQSDĐ của bà C1 nên T vì động cơ cá nhân lợi dụng quyền hạn được giao đã chỉnh sửa, làm sai lệch nội dung giấy chứng nhận nhằm mục đích đem cầm cố lấy tiền tiêu dùng nên T phải chịu trách nhiệm về hành vi “Giả mạo trong công tác” là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan cho bị cáo.

Hành vi trên của bị cáo T đã cấu thành tội “Giả mạo trong công tác” theo quy định tại Điều 359 Bộ luật hình sự, khi thực hiện xong hành vi giả mạo nêu trên thì bị cáo T mang giấy CNQSDĐ chứa thông tin sai lệch này đem thế chấp vay tiền của bị hại Võ Thị Kim N1 03 lần, tổng cộng số tiền 220.000.000đ. Hành vi này của bị cáo T đã cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điều 174 Bộ luật hình sự.

[3] Ngoài ra, bị cáo có hành vi gian dối làm cho bà Nguyễn Thị K tin tưởng là bị cáo có khả năng chạy lo nâng điểm thi cho con bà Kim t để bà Kim g cho bị cáo T số tiền 50.000.000đ rồi chiếm đoạt tiêu xái cá nhân. Hành vi này của bị cáo T đã cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điều 174 Bộ luật hình sự. Cấp sơ thẩm xét xử bị cáo T về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản là có căn cứ, không oan cho bị cáo.

[4] Tuy nhiên, cấp sơ thẩm xác định bị cáo T giả mạo trong công tác để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà N1 là thực hiện hành vi phạm tội nhưng lại không đánh giá mức độ tội phạm là nghiêm trọng, rất nghiêm trọng để xác định khung hình phạt tương xứng theo quy định tại Điều 359 Bộ luật hình sự mà cấp sơ thẩm truy tố và xét xử bị cáo theo khoản 1 Điều 359 Bộ luật hình sự là chưa phù hợp với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra.

[5] Đối với việc truy tố và xét xử về 02 tội tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự; tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo điểm b khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự, xét thấy về nội dung bị cáo ghi chuyển nhượng bị cáo “Theo HĐCN số 1471 ngày 30/7/2019 của Văn phòng C2” và bị cáo khai nhận có làm hợp đồng ủy quyền cho bà Nguyễn Thị M nhưng cơ quan điều tra chưa làm rõ việc có hay không các hợp đồng này, nếu có thì các hợp đồng này là thật hay hợp đồng do bị cáo làm giả giấy tờ, tài liệu và con dấu của Văn phòng C2 hay cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xác định rõ hành vi phạm 02 tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo điểm b khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự là điều tra chưa đầy đủ mà cấp phúc thẩm không thể bổ sung được. Do đó, cần chấp nhận

một phần kháng cáo của bị cáo T và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An đề nghị hủy án sơ thẩm để điều tra lại là có căn cứ.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án về cho Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kiến Tường giải quyết lại theo thủ tục chung.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo Nguyễn Nhựt T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo được chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355, điểm b khoản 1 Điều 358 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Hủy Bản án hình sự sơ thẩm số 24/2023/HS-ST ngày 07 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An.

Giao hồ sơ vụ án về cho Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kiến Tường xét xử lại theo thủ tục chung.

Áp dụng khoản 5 Điều 358 Bộ luật Tố tụng hình sự, tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Nhựt T cho đến khi Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kiến Tường thụ lý lại vụ án.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo Nguyễn Nhựt T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- CQĐT Công an huyện;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Sở Tư pháp tỉnh Long An;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quốc Khánh